

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Cúc**

2. Bà Trần Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lan Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Ông Phạm Sỹ Nguyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 726/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm: 197X; Hộ khẩu thường trú: Số 12 phố T, phường B, quận H, Hà Nội. Tạm trú: Số 117 phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: **Anh Lê Hữu T**, sinh năm: 197X; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Số 12 phố T, phường B, quận H, Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 03/7/2017, bản tự khai ngày 18/10/2017, nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 8 năm 200X tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 12 phố T, phường B, quận H, Hà

Nội. Quá trình chung sống đến tháng 3/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, anh T chơi cờ bạc, uống rượu, nợ nần tiền của nhiều người, nhiều lần họ đến nhà đòi nợ nên ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, vợ con. Chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, nhiều lần anh T còn đánh chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở hơn một năm nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để chị được ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Chị và anh T có 02 con chung tên là: Lê Tú L – Sinh ngày: 02/9/200X và Lê Ngọc Anh T – Sinh ngày: 07/9/201X. Hiện cháu L đang ở cùng anh T, còn cháu T đang ở cùng chị, sức khỏe các cháu bình thường. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là Lê Ngọc Anh T, còn con chung là Lê Tú L giao cho anh T nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm nghề tạp vụ tự do, thu nhập khoảng 5 triệu đồng/tháng.

Tại đơn trình bày đề ngày 21/4/2018, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung vì chị thấy anh T nợ nần nhiều không có khả năng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nhà ở chung*: Chị và anh T không có tài sản chung, nhà ở chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ*: Chị và anh T không có công nợ chung, không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Lê Hữu T nhưng anh T không đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của anh Lê Hữu T và không tiến hành hoà giải được vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu T.

Tại phiên tòa:

- Chị H vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn. Tháng 5.2017 chị đã nộp đơn xin ly hôn anh T ra Tòa án nhưng anh T không đến Tòa án giải quyết nên chị đã rút đơn ly hôn, đây là lần thứ hai chị nộp đơn xin ly hôn, chị xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay, chị xin ly hôn anh T để được ổn định cuộc sống. Về con chung, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu anh T xin nuôi cháu L, để chị nuôi cháu T thì chị cũng đồng ý, chị không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chị vẫn giữ nguyện vọng như đã trình bày. Ngoài ra chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Anh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 8 năm 200X tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 12 phố T, phường B, quận H, Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, đến ngày 19/3/2017 chị H đi chơi sinh nhật cùng bạn, đi hát karaoke và có chụp ảnh đăng lên Facebook, sau đó chị H về nhà và vợ chồng có lời qua tiếng lại cãi nhau, trong lúc nóng giận không kiềm chế được anh có tát chị H, sau đó chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở 117 phố Đ, phường T, quận H, Hà Nội cho đến nay. Thời gian chị H ở nhà bố mẹ đẻ, anh có đến nói chuyện, xin lỗi và nhiều lần gọi điện thoại mong chị H quay về nhà nhưng chị H không nghe máy và không đồng ý về nhà ở cùng anh và các con. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh T xác định có chơi cờ bạc nhỏ lẻ, không phải cờ bạc chuyên nghiệp, anh có nợ nần tiền của nhiều người, nhiều lần họ đến nhà đòi nợ và có ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, nhưng không phải anh nợ tiền do chơi cờ bạc mà nợ tiền để chi tiêu sinh hoạt cá nhân vì bản thân anh công việc lái xe taxi tự do thu nhập không ổn định, anh sẽ tự có trách nhiệm trả hết các khoản nợ đó. Việc chị H có đơn xin ly hôn anh, anh có nhận được giấy báo của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết, hôm nay là phiên tòa xét xử thì anh mới đến, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung tên là: Lê Tú L – Sinh ngày: 02/9/200X và Lê Ngọc Anh T – Sinh ngày: 07/9/201X. Hiện cháu L đang ở cùng anh tại số 12 phố T, còn cháu T đang ở cùng chị H tại 117 phố Đ, sức khỏe các cháu bình thường. Trường hợp phải ly hôn, anh T có nguyện vọng mỗi người nuôi một con, anh nuôi cháu L, chị H nuôi cháu T, không ai phải đóng góp nuôi con, hiện anh làm nghề lái xe taxi tự do, thu nhập khoảng 5 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh và chị H không có tài sản chung, nhà ở chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh và chị H không vay nợ chung của ai, không cho ai vay nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có lời khai gửi Tòa án và không đến Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh T và không tiến hành hoà giải được vụ án ly hôn giữa chị H và anh T. Tại

phiên tòa, bị đơn là anh T có mặt, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung, giao con chung là Lê Ngọc Anh T – Sinh ngày: 07/9/201X cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con chung là Lê Tú L – Sinh ngày: 02/9/200X cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nhà ở chung, về công nợ: chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại Đơn xin ly hôn, nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú của bị đơn tại số 12 phố T, phường B, quận H, Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình trên, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thông báo của Tòa án được niêm yết, anh Lê Hữu T không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng không gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự và để giải quyết vụ án được khách quan, đúng pháp luật. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã hai lần ra Thông báo đến Tòa án lấy lời khai và giao nộp chứng cứ ngày 13/12/2017 và ngày 18/01/2018 đối với anh T. Ngày 07/02/2018 Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Cả ba Thông báo trên đều được tổng đạt hợp lệ và niêm yết theo quy định của pháp luật. Nhưng cả ba lần chỉ có chị H có mặt theo đúng thời gian, địa điểm Tòa án đã thông báo còn anh T cả 03 lần đều vắng mặt không có lý do. Ngày 22/3/2018, Tòa án nhân dân Quận Hai Bà Trưng ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 14 giờ ngày 09/4/2018 và đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định xét xử cho chị H và anh T để tham gia tố tụng tại phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đến hồi 14 giờ ngày 09/4/2018, tại Phòng xét xử Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Hai Bà Trưng chỉ có mặt chị H, anh T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 26 ngày 09/4/2018 và đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự, thông báo phiên tòa sẽ được mở lại vào hồi 09h ngày 27/4/2018. Tại phiên tòa ngày 27/4/2018 anh T có mặt, Hội đồng xét xử đã tiến

hành các thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải tại phiên tòa và xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu T kết hôn có đăng ký ngày 22 tháng 8 năm 200X tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mối quan hệ hôn nhân của chị H và anh T, theo lời trình bày của chị H và anh T tại phiên tòa và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 12 phố T, phường B, quận H, Hà Nội. Quá trình chung sống, đến tháng 3/2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có cãi cọ, anh T có đánh chị H, mâu thuẫn vợ chồng càng tăng nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở hơn một năm nay. Hai bên không tự giải quyết được mâu thuẫn, anh T có tìm cách hàn gắn nhưng chị H không đồng ý. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên tháng 5/2017 chị H đã nộp đơn xin ly hôn anh T ra Tòa án sau đó chị đã rút đơn ly hôn, đây là lần thứ hai chị nộp đơn xin ly hôn. Thời gian chị H rút đơn ly hôn, vợ chồng vẫn không cải thiện được tình cảm, mỗi người sống mỗi nơi, không có sự quan tâm, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chung sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh T là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung tên là: Lê Tú L – Sinh ngày: 02/9/200X và Lê Ngọc Anh T – Sinh ngày: 07/9/201X. Hiện cháu L đang ở cùng anh T, còn cháu T đang ở cùng chị H, sức khỏe các cháu bình thường.

Tại Bản tự khai ngày 05/1/2018 cháu L trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố. Ngày 20/4/2018 cháu có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Xét, việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu Lê Tú L đã lớn, đã tự chăm sóc được bản thân trong sinh hoạt hàng ngày, đã sắp đủ tuổi trưởng thành, hiện cháu đang ở ổn định cùng bố. Còn cháu Lê Ngọc Anh T còn nhỏ, cháu cần sự quan tâm chăm sóc hàng ngày của người mẹ. Tại phiên tòa, chị H và anh T đều thống nhất giao cháu L cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Hiện chị H đang sống tại nhà của bố mẹ đẻ ở 117 phố Đ, Hà Nội, chị làm nghề tạp vụ tự do, thu nhập khoảng 5 triệu đồng/tháng. Anh T hiện đang sống tại nhà ở 12 phố T, Hà Nội, anh làm nghề lái xe taxi tự do, thu nhập khoảng 5 triệu đồng/tháng. Cả anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của anh chị là chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là Lê Tú L cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con chung là Lê Ngọc Anh T cho

chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị H thống nhất không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thống nhất này là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về công nợ: Chị H, anh T xác định không nợ chung ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 220; Điều 227; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Hữu T. Chị H được ly hôn anh T.

2. Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung tên là: Lê Tú L – Sinh ngày: 02/9/200X và Lê Ngọc Anh T – Sinh ngày: 07/9/201X.

Giao con chung là Lê Tú L cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con chung là Lê Ngọc Anh T cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia, kể từ tháng 4 năm 2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị H, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Chị H, anh T xác định không nợ chung ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AC/2015/0003107 ngày 05.10.2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, anh T. Chị H và anh T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- UBND phường B, quận H, Hà Nội
(Giấy chứng nhận kết hôn số 34,
quyển số 15/2002 ngày 22/8/2002)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Lan Chi